

Số: 32/2019/QĐST-DS

Bình Đại, ngày 22 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 308/2019/TLST – DS ngày 24 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trương Thị M**, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Trương Minh K**, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trương Thị Hồng C, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà C ủy quyền cho **anh Trương Châu P**, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019.

2. Trương Thị Lệ L, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trương Thị M, ông Trương Minh K, bà Trương Thị Hồng C thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Trương Văn X để lại tại thửa 1521, 1522, 1523, tờ bản đồ số 02, nay theo số liệu mới thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 18; thửa 434, tờ bản đồ số 19 (do ông Trương Văn X đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất), cụ thể như sau:

Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất tại thửa 379, tờ bản đồ số 18; thửa 434, tờ bản đồ số 19 xã D ngày 02/4/2019 thì:

2.1. Phần diện tích đất bà Trương Thị M được chia có diện tích là 724.1m² thuộc thửa 379-2, tờ bản đồ số 18 thể hiện theo các điểm A,B,C,F,G,M,L,K,J,A.

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông, Tây giáp với Trương Minh K (phần còn lại thửa 379);
- + Nam giáp với Trương Minh K (phần còn lại thửa 379) và Quốc lộ 57B;
- + Bắc giáp với Nguyễn Thị M (thửa 399, tờ 19).

2.2. Phần diện tích đất ông Trương Minh K được chia có diện tích là:

- + 853.4m² thuộc thửa 379-1, tờ bản đồ số 18 thể hiện theo các điểm C,D,E,F,C.
- + 250m² (đất thổ cư) thuộc thửa 379-4, tờ bản đồ số 18 thể hiện theo các điểm M,N,O,P,M.

- Phần đất thuộc thửa 379-1, tờ bản đồ số 18 có tứ cận như sau:

- + Đông, Tây, Nam giáp với Trương Minh K (phần còn lại thửa 379);
- + Bắc giáp với Nguyễn Thị M (thửa 399, tờ 19).

- Phần đất thuộc thửa 379-4, tờ bản đồ số 18 có tứ cận như sau:

- + Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với Trương Minh K (phần còn lại thửa 379).

2.3. Phần diện tích đất bà Trương Thị Hồng C được chia có diện tích là 1.082m² thuộc thửa 379-3, tờ bản đồ số 18 (diện tích 458.8m²) và thửa 434-1, tờ bản đồ số 19 (diện tích 623.2m²).

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp với Trương Minh K;
- + Tây giáp với Trương Minh K (phần còn lại thửa 379);
- + Nam giáp với Quốc lộ 57B;
- + Bắc giáp với Nguyễn Thị M (thửa 399, tờ 18).

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 379, tờ bản đồ số 18; thửa 434, tờ bản đồ số 19 xã D ngày 02/4/2019 kèm theo).

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Lệ L không có yêu cầu chia di

sản thừa kế đối với thửa 1521, 1522, 1523, tờ bản đồ số 02 nay theo số liệu mới thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 18; thửa 434, tờ bản đồ số 19 (do ông Trương Văn X đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất).

2.5. Ông Trương Minh K phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Trương Thị M, Trương Thị Hồng C phần diện tích đất mà bà M, bà C được chia nêu trên.

2.6. Các ông bà Trương Thị M, Trương Minh K, Trương Thị Hồng C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

2.7. Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Văn X theo số C843372 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 41060400674.QSDĐ/83/UBQĐ, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp vào ngày 26/8/1993 qua cho bà Trương Thị M, ông Trương Minh K, bà Trương Thị Hồng C theo diện tích và tứ cận mà các ông bà được chia nêu trên **theo quy định pháp luật.**

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trương Thị M, bà Trương Thị Hồng C được miễn nộp toàn bộ án phí (do bà M, bà C thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Ông Trương Minh K phải chịu án phí là: 3.955.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2.9. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc với số tiền là 1.642.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) và các bên thống nhất thỏa thuận:

+ Phần của bà Trương Thị M chịu là: 435.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

+ Phần của ông Trương Minh K chịu là: 772.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

+ Phần của bà Trương Thị Hồng C chịu là: 435.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Thực tế các bên đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên